

Số: 79/2024/QĐST-HNGĐ

P, ngày 02 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 91/2024/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2024 về “Tranh chấp hôn nhân gia đình” giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Đỗ Kim T**, sinh năm 1960; Địa chỉ: **số nhà H, tổ A, khu S, phường H, thị xã P, tỉnh P.**

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn về phần tài sản, công nợ: Ông **Hà Văn V**, sinh năm 1957; Địa chỉ: **số C, khu T, phường T, thị xã P, tỉnh P.**

Bị đơn: Bà **Triệu Thị T1**, sinh năm 1969; Địa chỉ: **khu C, xã T, huyện P, tỉnh P.**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 6 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 6 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Ông **Đỗ Kim T** và bà **Triệu Thị T1**

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Ông **Đỗ Kim T** và bà **Triệu Thị T1** thống nhất xác nhận có 01 con chung là cháu **Đỗ Quang L**, sinh ngày 20/11/2000. Khi ly hôn ông **Đỗ Kim T** và bà **Triệu Thị T1** thống nhất xác định con chung đã thành niên, lao động tự túc được nên không đề nghị Toà án xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông **Đỗ Kim T**; ông **Hà Văn V** là Đại diện theo uỷ quyền của ông **T** về phần tài sản, công nợ và bà **Triệu Thị T1** thống nhất xác định vợ chồng ông **T**, bà **T1** có tài sản chung nhưng tự thoả thuận không đề nghị Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông **Đỗ Kim T**; ông **Hà Văn V** là Đại diện theo uỷ quyền của ông **T** về phần tài sản, công nợ và bà **Triệu Thị T1** thống nhất xác định vợ chồng ông **T**, bà **T1** không có không đề nghị Toà án giải quyết.

- Về công sức đóng góp: Ông **Đỗ Kim T** và bà **Triệu Thị T1** đều không đề nghị giải quyết.

- Về án phí: Ông **Đỗ Kim T** được miễn án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Bà **Triệu Thị T1** phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện P;
- UBND phường H, TX P;
- Chi cục THA;
- Lưu hồ sơ, VP.

THẨM PHÁN

Phạm Việt Hưng